

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày 14 - 02 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Xuân và bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Noọng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 01/2025/TLST-HS ngày 06/01/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Triệu Văn N, tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 26 tháng 7 năm 1996 tại huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: thôn B, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn 5/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Văn L, không rõ năm sinh; Con bà Bàn Thị M, sinh năm 1980; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Bị cáo Bế Văn H, tên gọi khác: không; giới tính: Nam; Sinh ngày 30 tháng 4 năm 1984, tại huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: xóm V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bế Ngọc D, (đã chết); con bà Lưu Thị T, sinh năm 1946; Vợ, Con: chưa có;

Tiền án: 01 tiền án, ngày 28/5/2021 bị Toà án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 04/12/2022 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương;

Tiền sự: 01 tiền sự, ngày 08/12/2023 bị Công an huyện T xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản;

Đặc điểm nhân thân:

+ Ngày 23/7/2004, bị Công an huyện T (nay là huyện T xử phạt 200.000 đồng về hành vi Gây rối trật tự công cộng;

+ Ngày 09/8/2013, bị Ủy ban nhân dân tỉnh C ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng;

+ Ngày 24/12/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh (nay là huyện T) xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về Tội trộm cắp tài sản;

+ Ngày 20/4/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh (nay là huyện T) xử phạt 09 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản;

Bị cáo bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 00 ngày 21/9/2024, tổ công tác Công an thị trấn T phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế và ma túy, Công an huyện T, tổ công tác Đoàn Biên phòng Cửa khẩu T1 làm nhiệm vụ tại đoạn đường thuộc xóm V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng phát hiện bắt quả tang Bế Văn H, sinh năm 1984, trú tại xóm V, thị trấn T, huyện T và Triệu Văn N, sinh năm 1996, trú tại thôn B, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn có hành vi tàng trữ trái phép ma túy. Tạm giữ tại túi quần phía trước bên phải H đang mặc 01 gói bằng giấy bạc màu vàng và túi quần phía trước bên trái 01 gói bằng giấy bên trong đều chứa chất bột màu trắng; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu Vivo, số Imei 1: 862449046651374, số Imei 2: 862449046651366. Tạm giữ với N 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu Vivo, Imei 1: 866182049331936, số Imei 2: 866182049331928; 01 xe mô tô Yamaha biển kiểm soát 38N6-6881. Bế Văn H, Triệu Văn N khai 02 gói chất bột màu trắng là Heroine.

Hồi 10 giờ 30 ngày 22/9/2024, Cơ quan điều tra tiến hành cân số chất bột màu trắng khối lượng 0,24 gam và trích lấy mẫu gửi trung cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 529/KL-KTHS ngày 30/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh C kết luận: mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine.

Tại Cơ quan điều tra, Triệu Văn N khai bản thân sử dụng ma túy từ đầu năm 2024. Khoảng 18 giờ 30 ngày 21/9/2024, N gọi điện thoại cho Bế Văn H nhờ mua giúp ma túy, nếu mua được N sẽ chia ma túy cho H. H đồng ý và hẹn gặp nhau ở đầu cầu N thuộc xóm V, thị trấn T. Nhảy đưa 1.000.000 đồng cho H. H cầm tiền đi mua ma túy và bảo N đợi. Khoảng 20 phút sau thấy H quay lại thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang cả hai người.

Bế Văn H khai ngày 21/9/2024, N gọi điện thoại nhờ H mua ma túy giúp. Sau khi mua được ma túy, H sẽ được N chia ma túy cho một ít. H đồng ý. Sau khi nhận 1.000.000 đồng với N, H đi mua ma túy với Nguyễn Văn Đ, sinh năm

1983, là người cùng xóm được 02 gói. Khi quay lại đến đầu cầu N cách vị trí N đang đợi khoảng 20m thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang.

Vật chứng của vụ án được Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để đảm bảo việc xét xử vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 01/CT-VKSTK ngày 06/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Bế Văn H và Triệu Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo H khai bản thân sử dụng ma túy, khi được Triệu Văn N gọi điện thoại nhờ mua ma túy giúp, sau khi mua được ma túy thì sẽ được N chia ma túy để sử dụng thì bị cáo đồng ý, nguồn gốc số tiền bị cáo dùng để mua ma túy là tiền của bị cáo N đưa cho. Mục đích bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy là để sử dụng cho bản thân.

Bị cáo N, xác nhận lời khai của bị cáo H là đúng, bị cáo được đưa tiền cho H đi mua ma túy giúp, nếu mua được thì bị cáo sẽ chia ma túy cho H một ít để sử dụng, bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bế Văn H, xử phạt bị cáo H từ 12 đến 18 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Triệu Văn N, xử phạt bị cáo N từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về vật chứng áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 chiếc phong bì thư đã được niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Vật chứng vụ Tàng trữ trái phép chất ma túy, xảy ra tại xóm V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, ngày 21/9/2024”.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y91C 1820 màu xanh đen màn hình cảm ứng tạm giữ với Bế Văn H.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V1928A màu xanh, màn hình cảm ứng tạm giữ đối với Triệu Văn N.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu trắng – xanh biển kiểm soát 38N6-6881, số khung RLCN5P1109Y068686, số máy 5P11-068685, xe cũ đã qua sử dụng, có chìa khóa kèm theo.

Về án phí buộc các bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan Điều tra, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ nên có cơ sở để kết luận: Hồi 19 giờ 00 phút ngày 21/9/2024, tổ công tác của Công an thị trấn T phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế, ma túy Công an huyện T, tổ công tác Đồn Biên phòng Cửa khẩu T1 làm nhiệm vụ tại khu vực cầu N thuộc xóm V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao phát hiện bắt quả tang Triệu Văn N, Bé Văn H đang tàng trữ 0,24 gam ma túy, loại Heroine. Mục đích N, H mua ma túy về sử dụng cho bản thân.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo biết việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vì mắc nghiện và lệ thuộc vào ma túy nên bất chấp thực hiện với lỗi cố ý, đồng thời khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Bé Văn H là người trực tiếp nhận tiền với bị cáo Triệu Văn N đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng và đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,24 gam Heroine là hành vi vi phạm được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, hành vi của các bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về vai trò, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với các bị cáo:

- Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Triệu Văn N là người khởi xướng, gọi điện liên lạc với bị cáo H và hẹn địa điểm để đến gặp và đưa tiền nhờ bị cáo H đi mua ma túy giúp, khi mua được ma túy sẽ chia ma túy cho H cùng sử dụng. Còn bị cáo Bé Văn H là người thực hành trực tiếp đến điểm hẹn nhận tiền và đi mua ma túy giúp bị cáo N. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi mình thực hiện.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Triệu Văn N và Bế Văn H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Bế Văn H có bố đẻ là Bế Ngọc D được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét khi lượng hình.

Bị cáo Bế Văn H có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Triệu Văn N không có tình tiết tăng nặng.

- Về nhân thân:

Bị cáo Triệu Văn N là người nghiện ma túy biết việc sử dụng và tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nên không được coi là nhân thân tốt.

Bị cáo Bế Văn H là người nghiện ma túy và là người có nhân thân xấu, bị cáo nhiều lần vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính và xử phạt tù giam. Cụ thể: Ngày 23/7/2004, bị Công an huyện T (nay là huyện T xử phạt 200.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng; Ngày 09/8/2013, bị Ủy ban nhân dân tỉnh C ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng; Ngày 24/12/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh (nay là huyện T) xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về Tội trộm cắp tài sản; Ngày 20/4/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh (nay là huyện T) xử phạt 09 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản; Bị cáo đã được cải tạo, giáo dục, tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

[4]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi các bị cáo gây ra và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là những đối tượng không thể tự cải tạo, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để cải tạo, giáo dục riêng cũng như phòng ngừa chung trong xã hội. Bị cáo Bế Văn H nhiều lần vi phạm pháp luật và có một tiền án chưa được xóa án tích do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo N.

Hội đồng xét xử nhận thấy mức hình phạt mà Kiểm sát viên đưa ra là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là người sử dụng ma túy, không có công việc thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

[6]. Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

- 01 chiếc phong bì thư đã được niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Vật chứng vụ Tàng trữ trái phép chất ma túy, xảy ra tại: xóm V, thị trấn T,

huyện T, tỉnh Cao Bằng, ngày 21/9/2024". Là chất cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

- 02 chiếc điện thoại trong đó: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y91C 1820 màu xanh đen màn hình cảm ứng tạm giữ với Bế Văn H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V1928A màu xanh, màn hình cảm ứng tạm giữ đối với Triệu Văn N. 02 chiếc điện thoại này liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu trắng – xanh biển kiểm soát 38N6-6881, số khung RLCN5P1109Y068686, số máy: 5P11 -068685, xe cũ đã qua sử dụng (có chìa khóa xe kèm theo). Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được là tài sản của bị cáo N điều khiển xe đến chỗ hẹn bị cáo H để nhờ bị cáo H mua giúp ma túy. Hội đồng xét xử xét thấy đây là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

[7]. Về các nhận định khác:

Đối với người bán ma túy cho Bế Văn H là Nguyễn Văn Đ, Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can điều tra Nguyễn Văn Đ ở một vụ án khác là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bế Văn H.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Triệu Văn N.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bế Văn H, Triệu Văn N phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bế Văn H 15 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 21/9/2024.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn N 12 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 21/9/2024.

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước phong bì ghi: "Vật chứng vụ Tàng trữ trái phép chất ma túy, xảy ra tại xóm V- Thị trấn T-T - Cao Bằng, ngày 21/9/2024".

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y91C 1820 màu xanh đen, màn hình cảm ứng, số Imei 1: 862449046651374, số Imei 2: 862449046651366 tạm giữ đối với Bế Văn H”.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V1928A màu xanh, màn hình cảm ứng, số Imei 1: 8661 8204 9331 936, số I: 8661 8204 9331 928 tạm giữ đối với Triệu Văn N”.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu trắng – xanh biển kiểm soát 38N6-6881, số khung RLCN5P1109Y068686, số máy 5P11-068685, xe cũ đã qua sử dụng, có chìa khóa kèm theo.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/01/2025.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Bế Văn H, Triệu Văn N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Trà Lĩnh (bằng TB);
- UBND xã Nghiên Loan (bằng TB);
- Bị cáo;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lý Thị Hoài